TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/DS-ST
Ngày: 03-9-2026
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương;

2. Ông Phùng Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú **–** Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 32/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 2 năm 2026, về việc: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2026/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2026/QĐST-HPT ngày 13 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; CCCD: 046072002467; nơi cư trú: xóm C, thôn Đ (nay là thôn Đ), xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1969, CCCD: 045169001044 và ông Lê Quang D, sinh năm 1967, CCCD: 045067000920; cùng nơi cư trú: xóm C, thôn Đ (nay là thôn Đ), xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị G, sinh năm 1970; CCCD: 060170002252; nơi cư trú: xóm C, thôn Đ (nay là thôn Đ), xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; *Người đại diện theo uỷ quyền của Bà Trần Thị G:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; nơi cư trú: xóm C, thôn Đ (nay là thôn Đ), xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 02/4/2026).

Tại phiên toà, nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/Nguyên đơn – ông Nguyễn Văn T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông T yêu cầu ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông T (ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị G) số tiền vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ ngày 10/3/2025 cho đến nay.

Về căn cứ khởi kiện:

Vợ chồng ông T, bà Trần Thị G và vợ chồng ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C quen biết với nhau vì là người cùng xóm thôn và có mua bán lúa với nhau.

Vào ngày 10/12/2024 tại nhà ông T, vợ chồng ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C có vay vợ chồng ông T, bà G số tiền mặt là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), mục đích sử dụng tiền vay thì ông T không rõ; ông T chỉ cho vay trong thời gian ngắn (khoảng 03 tháng) vợ chồng ông D, bà C phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho vợ chồng ông T, bà G. Vì cho vay trong thời gian ngắn để giúp cho vợ chồng ông D, bà C nên chỉ thỏa thuận nói miệng với nhau thì bên bà C muốn trả bao nhiêu thì trả, không cụ thể.

Thời điểm cho vay thì vợ chồng ông D, bà C có viết giấy vay tiền nhưng vì ông T thấy không được rõ ràng nên vài ngày sau ông T đánh máy soạn lại thành "Giấy cho vay tiền" đề ngày 12/12/2024 yêu cầu vợ chồng ông D, bà C ký và lăn tay.

Thời điểm cho vay đến nay, vợ chồng bà C, ông D chưa trả tiền gốc cho vợ chồng ông T, bà G nhưng có trả vài tháng tiền lãi cho ông T. Cụ thể, có tháng đưa 1.500.000 đồng, có tháng đưa 2.000.000 đồng, vợ chồng bà C đưa được khoảng 6.000.000 đồng tiền lãi.

Khi quá thời hạn 03 tháng thì ông T có nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà C, ông D phải trả tiền nhưng vợ chồng bà C hứa hẹn nhiều lần, lúc hứa hẹn bằng miệng, có lúc viết giấy hứa và có lúc nhờ người thân hứa hẹn nhưng đến nay vợ chồng bà C vẫn chưa trả tiền gốc cho ông T.

Hiện nay, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông T (ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị G) số tiền vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ ngày 10/3/2025 cho đến nay. Ngoài ra, buộc ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T chi phí giám định dấu vân tay ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C.

2/Bị đơn - Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Quang D: Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, cấp, tống đạt, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Quang D không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của bà Nguyễn Thị Kim C, ông Lê Quang D và cũng không tiến hành hòa giải được.

3/*Những tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập trong hồ sơ vụ án:*

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn – ông Nguyễn Văn T cung cấp:

- 01 bản gốc "giấy cho vay tiền" đề ngày 12/12/2024, đánh máy mực đen, thể hiện bên A (Bên cho vay): ông Nguyễn Văn T, bên B (Bên vay): Vợ chồng ông Lê Quang D và bà Nguyễn Thị C; mặt sau cuối tờ giấy của giấy cho vay tiền thể hiện chữ ký của "ĐẠI DIỆN BÊN A" là T, Nguyễn Văn T (ký mực màu xanh) và "ĐẠI DIỆN BÊN B" là chữ ký của Lê Quang D, bà Nguyễn Thị C (ký mực màu xanh) và dấu vân tay ngón trỏ trái, ngón trỏ phải lần lượt từ trên xuống của ông D, bà C (dấu vân tay mực màu đỏ);

- 01 bản gốc "Giấy nợ" được ghi trên giấy vở ô li vuông, mực viết màu xanh, ghi nội dung *"vợ chồng A chị D - Cúc có nợ của vợ chồng Thuận thảo 100.000đ (Một trăm triệu) đã quá thời hạn 3 tháng Nay mùa hè thu vào xin trả 50% khoảng 50.000đ (Năm chục triệu) (gốc và lãi) 15/9/2025 (DL) còn lại 50.000đ Cuối năm gốc và lãi) Xin trả hết. 15.12-2025 Người viết nợ Lê Quang D".* Toàn bộ chữ viết và chữ ký là do ông Lê Quang D viết.

- 01 bản gốc "Giấy hẹn" được ghi trên giấy vở ô li vuông, mực viết màu xanh, ghi nội dung "*Tôi là Lê Quang D hẹn vợ chồng thuận – thảo thôn 2 Đ bình (cũ) thời gian tới mùa lúa hè thu vào sẽ gom góp trả cho vợ chồng thảo thuận 50% số nợ là khoảng 50.000.000đ (Năm mươi triệu) Người nợ Lê Quang D".* Toàn bộ chữ viết và chữ ký là do ông Lê Quang D viết.

Tài liệu, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không có.

Chứng cứ Toà án thu thập: 03 biên bản lấy lời khai đương sự (gồm 02 biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Văn T và 01 biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị G1); biên bản xác minh sự thường trú của bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Quang D; Công văn về việc cung cấp thông tin trong hồ sơ cư trú Công an xã số 615/CV-CAX, ngày 05/6/2026 của Công an xã Đ, tỉnh Lâm Đồng; Kết luận giám định số 1525/KL-KTHS, ngày 23/6/2026 của Phòng K - Công an tỉnh L; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản về việc không tiến hành hoà giải được.

Những tình tiết mà các đương sự thống nhất và chưa thống nhất với nhau: Do bị đơn vắng mặt trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như ở phiên tòa nên Tòa án không thể ghi nhận trực tiếp ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đủ về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong quá trình chuẩn bị xét

xử cũng như ở phiên tòa nên đã vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 157, 161, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn T: buộc ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông T (ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị G) số tiền vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định.

Ngoài ra, buộc ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T chi phí chi giám định dấu vân tay ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C.

Về án phí: ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ vay và tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ ngày 10/3/2025 cho đến nay. Ngoài ra, yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả lại chi phí tạm ứng chi giám định dấu vân tay ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C cho nguyên đơn Ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự trong vụ án không còn yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại xóm C, thôn Đ (nay là thôn Đ), xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Lâm Đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn T:

[3.1]. Về số tiền nợ vay:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu buộc ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông T (ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị G) số tiền vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp các chứng cứ gồm:

01 (một) bản gốc "giấy cho vay tiền" đề ngày 12/12/2024 thể hiện nội dung: Ông Nguyễn Văn T cho vợ chồng ông Lê Quang D và bà Nguyễn Thị Kim C vay số tiền 100.000.000 đồng, mức lãi suất hai bên tự thoả thuận, thời điểm thanh toán gốc 3 tháng kể từ ngày vay (10/12/2024 đến 10/3/2025. Phần cuối có chữ ký đại diện bên A Nguyễn Văn T; đại diện bên B ký tên Lê Quang D và Nguyễn Thị Kim C cùng 4 dấu vân tay mực màu đỏ (trong đó hai dấu vân tay phía trên được cho là của bà Nguyễn Thị Kim C và hai dấu vân tay phía dưới được cho là của ông Lê Quang D);

01 (một) "Giấy nợ" viết tay (được cho rằng do ông Lê Quang D ghi) thể hiện nội dung: "*Vợ chồng anh chị D – C có nợ vợ chồng Thuận T1 100.000.000 đồng (Một trăm triệu) đã quá thời hạn 3 tháng Nay Mùa hè thu vào xin trả 50% gốc và lãi khoảng 50.000đ (Năm chục triệu) 15/9.2025(AL) còn lại 50.000 đ (gốc và lãi) cuối năm xin trả hết. 15/12/2025*", phần cuối ghi người viết nợ Lê Quang D.

01 (một) "Giấy hẹn" thể hiện nội dung: "*Tôi là Lê Quang D hẹn vợ chồng thuận thảo thôn B Đ (cũ) thời gian tới mùa lúa hè thu sẽ gom góp trả cho vợ chồng thảo thuận 50% số nợ là khoảng 50.000.000 đ(Năm mươi triệu)*", người nợ Lê Quang D.

Thời điểm cho vay đến nay, bị đơn chưa trả tiền gốc cho cho nguyên đơn nhưng có trả vài tháng tiền lãi. Cụ thể, có tháng trả 1.500.000 đồng, có tháng trả 2.000.000 đồng, bị đơn trả được khoảng 6.000.000 đồng tiền lãi.

Hết thời hạn vay theo thoả thuận, nguyên đơn đã có nhiều lần yêu cầu bị đơn phải trả tiền nhưng bị đơn chỉ hứa hẹn, lúc hứa hẹn bằng miệng, có lúc viết giấy hứa và có lúc nhờ người thân hứa hẹn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa trả tiền gốc.

Bị đơn – ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C: Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú, cấp, tống đạt, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hợp lệ theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C và ông Lê Quang D không tham gia tố tụng và vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai của bà Nguyễn Thị Kim C, ông Lê Quang D và cũng không tiến hành hòa giải được.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Chứng cứ ông Nguyễn Văn T đưa ra thể hiện ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C có vay của vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị G 100.000.000

đồng theo giấy cho vay tiền lập ngày 12/12/2024 có dấu vân tay được cho là của ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C.

Tại Kết luận giám định số 1525/KL – KTHS, ngày 23/6/2026 của Phòng K Công an tỉnh L đã kết luận: " *02 (hai) dấu vân tay (phía trên) in tại mặt sau tài liệu cần giám định ký hiệu A so với dấu vân tay đứng tên Nguyễn Thị Kim C trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là vân tay của cùng một người*"; "*02 (hai) dấu vân tay (phía dưới) in tại mặt sau tài liệu cần giám định ký hiệu A so với dấu vân tay đứng tên Lê Quang D trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là vân tay của cùng một người*"

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định ngày 10/12/2024, vợ chồng ông Lê Quang D và bà Nguyễn Thị Kim C có vay của vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị G số tiền 100.000.000 đồng; thời hạn vay 03 tháng (từ ngày 10/12/2024 đến ngày 10/3/2025. Khi hết thời hạn vay theo thoả thuận, ông D, bà C vẫn chưa thanh toán nợ cho ông T, bà G nên đã viết giấy hẹn trả nợ cho ông T bà C (thể hiện tại "Giấy nợ" và "Giấy hẹn" do ông D viết).

Trong quá trình tố tụng, bị đơn - ông D, bà C đã được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản ý kiến phản hồi về Toà án cũng như không trực tiếp đến Toà án để trình bày ý kiến của mình đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp các tài liệu chứng cứ, chứng minh việc bị đơn đã thực hiện việc trả nợ cho nguyên đơn trong thời gian qua.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ mà Toà án đã thu thập trong quá trình giải quyết vụ án xác định có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T về việc buộc ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông T (ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị G) số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

[3.2]. Về tiền lãi: Ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải trả tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ ngày 10/3/2025 cho đến nay (ngày 03/9/2026).

Xét thấy: Theo "Giấy cho vay tiền" ngày 12/12/2024 được xác lập giữa ông Nguyễn Văn T và ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C thể hiện: Tại thời điểm vay (ngày 10/12/2024), hai bên có thoả thuận với nhau về việc trả lãi, tuy nhiên không xác định về mức lãi suất cụ thể. Nguyên đơn cũng xác nhận trong thời gian vay, ông D, bà C trả cho ông T, bà G nhiều lần được khoảng 6.000.000 đồng tiền lãi. Từ ngày hết thời hạn vay đến nay ông D, bà C chưa trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Do đó, hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để xác định mức lãi suất cho vay là 10%/năm. Từ ngày 10/3/2025, hết thời hạn vay theo thoả thuận nhưng ông D, bà C không trả nợ gốc cho ông T, bà G nên ông D, bà C phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay (15%/năm, tương ứng 1,25%/tháng) là phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự. Theo đó tiền lãi được tính như sau: 100.000.000 đồng x 1,25%/tháng x 17 tháng 23 ngày = 22.208.000 đồng (Hai mươi hai triệu hai trăm linh tám ngàn đồng).

Như vậy, tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi 122.208.000 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu hai trăm linh tám ngàn đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 22.208.000 đồng.

Do số tiền ông D và bà C vay là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà G nên cần buộc ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị G số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và số tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ ngày 10/3/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/9/2026) là 22.208.000 đồng (hai mươi hai triệu hai trăm linh tám ngàn đồng).

[4] Về chi phí tố tụng:

Trong quá trình tố tụng do bị đơn không chấp hành làm việc, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên nguyên đơn phải yêu cầu giám định vân tay để chứng minh chứng cứ mà mình cung cấp là đúng. Tại Kết luận giám định số 1525/KL – KTHS, ngày 23/6/2026 của Phòng K Công an tỉnh L đã kết luận: "*02 (hai) dấu vân tay (phía trên) in tại mặt sau tài liệu cần giám định ký hiệu A so với dấu vân tay đứng tên Nguyễn Thị Kim C trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là vân tay của cùng một người*"; "*02 (hai) dấu vân tay (phía dưới) in tại mặt sau tài liệu cần giám định ký hiệu A so với dấu vân tay đứng tên Lê Quang D trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là vân tay của cùng một người*". Như vậy, kết luận giám định đã chứng minh chứng cứ nguyên đơn đưa ra là đúng và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ. Nguyên đơn đã nộp tạm chứng chi phí giám định là 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm ngàn đồng). Hiện nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn chi phí giám định là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông Lê Quang D và bà Nguyễn Thị Kim C phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền chi phí giám định là 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm ngàn đồng).

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của khởi kiện nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn – ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147; Điều 160, 161; Điều 203, Điều 227, Điều 228; Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án;

- Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 Nghị quyết thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực;

- Các Điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc buộc bị đơn ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C trả số tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh.

Buộc vợ chồng ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị G số tiền 122.208.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu hai trăm linh tám ngàn đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 10/3/2025 đến ngày 03/9/2026 là 22.208.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn T tiền chi phí giám định là 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do hai bên thoả thuận; trường hợp hai bên không thoả thuận được thì thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Buộc ông Lê Quang D, bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp 6.110.400 đồng (sáu triệu một trăm mười ngàn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai số 0002271, ngày 02 tháng 02 năm 2026 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự và người đại diện hợp pháp của đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định cảu Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật

Thi hành án Dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 16 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mận